TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2026/DS-ST
Ngày 24 - 6 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tiêu Thanh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2026/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trương Hoàng M; sinh ngày: 01/01/1979; căn cước công dân số 094079002404. Địa chỉ: Ấp Đ, xã A, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện nay: Ấp C, xã A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Tào Văn Q, sinh ngày 01/01/1974; căn cước số 094074016261; ngày cấp 22/12/2025 và bà Lê Thị H, sinh ngày 01/01/1974; căn cước công dân số 094174000795; ngày cấp 13/4/2021. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 04 năm 2026, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trương Hoàng M trình bày*:*

Ngày 27/5/2024 âm lịch, ông Trương Hoàng M có cho ông Tào Văn Q và chị Lê Thị H vay số tiền 8.000.000 đồng, hẹn một tháng sau sẽ trả, nhưng đã quá

hạn mà vẫn không thanh toán nợ cho ông M, ông Hoàng M đã đòi nhiều lần nhưng ông Q và bà H không chịu trả.

Lãi suất, tính theo lãi suất Ngân hàng từ ngày 27/5/2024 đến ngày 07/4/2026, tổng cộng là 24 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền: 8.000.000 đồng x 1,6% x 24 tháng = 3.072.000 đồng. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H phải trả cho ông M số tiền vay gốc và lãi là 11.072.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/4/2026, ông M đã trừ thêm cho bị đơn tiền lãi đã thanh toán 1.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Q, bà H trả cho ông M nợ gốc 8.000.000 đồng, tiền lãi 3.072.000 đồng – 1.000.000 đồng = 2.072.000 đồng, thành tiền 2.072.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 10.072.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông M thay đổi nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q, bà H cùng có trách nhiệm thanh toán nợ gốc 6.000.000 đồng và tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/7/2024 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 23 tháng 21 ngày, tính thành tiền là 1.180.260 đồng, ông M đồng ý làm tròn là 1.180.000 đồng, trừ nợ lãi ông Q, bà H thanh toán 1.000.000 đồng, nợ lãi còn 180.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 6.180.000 đồng.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 5 năm 2026, bị đơn ông Tào Văn Q và bà Lê Thị H cùng thống nhất trình bày:

Ông Tào Văn Q và bà Lê Thị H có vay tiền của ông Trương Hoàng M số tiền là 6.000.000 đồng vào ngày 15/5/2024, lãi suất cao, ông bà đã đóng lãi nhiều lần cho ông M số tiền đã vượt tiền vốn, nhưng không có giấy tờ chứng minh đã trả tiền lãi cho ông M. Khi vay tiền các bên không có làm tờ do vợ chồng ông Q, bà H không ai biết chữ; giấy nợ không phải do ông Q viết tên và ghi tên vợ ông Q vào giấy. Nay ông Q, bà H thống nhất trả nợ gốc 6.000.000 đồng, xin lãi, trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả xong khoản nợ trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay gốc từ 8.000.000 đồng, lãi suất là 1,66%/năm, nay nguyên đơn yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 0,83%/tháng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 6.000.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/5/2024 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 23 tháng 21 ngày, tính thành tiền là 1.180.260 đồng, làm tròn 1.180.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền lãi ông Q, bà H1 đã thanh toán, tổng cộng gốc và lãi là 6.180.000 đồng.

[6] Xét hiệu lực của hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Hoàng M1 và vợ chồng ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H: tại đơn khởi kiện lập ngày 07/4/2026, lời khai của ông M1, lời khai của vợ chồng ông Q, bà H đã có đủ cơ sở xác định: giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tiền với nhau. Tại thời điểm xác lập hợp đồng các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 119 và 398 của Bộ luật Dân sự, nên hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ vay gốc là 6.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, nguyên đơn có nộp cho Tòa án bản chính Tờ giấy tập học sinh với tên "*Giấy mượn tiền có nội dung: Tôi tên Tào Văn H2 ấp A, xã A. Vợ tôi tên Lê Thị H ấp A, xã A. Tôi có mượn tiền của anh M1 bằng số tiền 8.000.000 đồng viết bằng chữ tám triệu đồng. 27.05.2024 – 03.07DL, thời hạn 01 tháng tôi trả cho anh M1, lãi suất 3% ba phần trăm 1 tháng. Người mượn H - Lê Thị H, chồng người mượn H –Tào Văn H2*." Ông M1 khai: Ông M1 là người

viết nội dung biên nhận, chồng bà H là ông Tào Văn Q là người ký tên viết tên vào Tờ giấy mượn tiền và viết thay cho bà Lê Thị H. Tại biên bản ghi lời khai của ông Q, bà : thì hai ông bà đều cho rằng mình là người không biết chữ, không có ký tên và viết tên vào biên bản được, ông bà chỉ lăn tay điểm chỉ. Bị đơn chỉ thừa nhận số tiền nợ vay là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 6.000.000 đồng như phía bị đơn trình bày, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn có vay tiền của ông M1 số tiền vay gốc 6.000.000 đồng, ngày vay tiền là ngày 15/5/2024, nên chấp nhận số tiền vay gốc 6.000.000 đồng. Do bị đơn đã không thanh toán nợ gốc, nên bị đơn khởi kiện đòi lại tiền vay gốc 6.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[8] Xét yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán đối với nợ gốc 6.000.000 đồng tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/7/2024 cho đến ngày xét xử ngày 24/6/2026 là 23 tháng 21 ngày, tính thành tiền là 1.180.260 đồng, làm tròn 1.180.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền lãi ông Q, bà H đã thanh toán, còn lại 180.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa các bên có thỏa thuận thời gian thanh toán nợ vào ngày 03/7/2024, tuy nhiên đến nay ông Q, bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc cho nguyên đơn. Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, về lãi suất: "*1.Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác……* "*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

[9] Như vậy, theo quy định tại 468 của Bộ luật Dân sự, thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền chậm thanh toán là 6.000.000 đồng, nhưng các bên hiện tranh chấp về lãi suất với nhau, nguyên đơn trình bày 3%/tháng, bị đơn thì nói lãi suất cao (không nêu rõ tỷ lệ %), thì nguyên đơn được yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất chậm thanh toán là 50% của mức lãi suất 20%/năm là 10%/năm (tương đương 0,38%/tháng). Bị đơn đã vi phạm từ ngày 03/7/2024, thời gian tính lãi từ 03/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 24/6/2026, là 23 tháng 21 ngày, thành tiền là 1.180.260 đồng, làm tròn 1.800.000 đồng, nguyên đơn đã thừa nhận bị đơn trả lãi 1.000.000 đồng, do đó số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 1.180.260 đồng – 1.000.000 đồng = 180.260 đồng, nguyên đơn đồng ý làm tròn là 180.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn trả số tiền lãi là 180.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật sự.

[10] Từ phân tích trên, xétđề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

11] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng M không chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ là

309.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các 117, 119, 357, 398, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 17 Luật và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoàng M.

1. Buộc ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trương Hoàng M số tiền 6.180.000 đồng (sáu triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tào Văn Q, bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 309.000 đồng (ba trăm lẻ chín nghìn đồng); Ông Trương Hoàng M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 277.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006311, ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo bản án: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan